PHỤ LỤC 1.1

TỔNG HỢP NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2026 (CẤP TỈNH)

(Bản hành kèm theo Quyết định số ...1844..../QĐ-UBND ngày ..02...../6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

STT	Cơ quan	Biên chế công chức được giao năm 2025 (biên chế)	Số lượng cán bộ, công đang có mặt tính đến 25/5/2026 (người)	Số lượng biên chế công chức chưa sử dụng tính đến 25/5/2026 (biên chế)	NHU CẦU TUYỂN DỤNG		CHI TIẾT NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP TỈNH NĂM 2026 CHIA THEO NGÀNH, LĨNH VỰC theo Phụ lục II - Danh mục VTVL công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính ở Bộ, ở cấp Tỉnh (ban hành kèm theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ)																Ghi chú
					Số lượng VTVL (vị trí)	*Số lượng (chỉ tiêu)*	*Ngoại giao, hợp tác quốc tế*	*Nội vụ, tổ chức cán bộ*	*Dân tộc - Tôn giáo*	*Tư pháp, pháp chế*	*Tài chính, kế hoạch*	*Công Thương*	*Nông nghiệp và Môi trường*	*Xây dựng*	*Khoa học và Công nghệ*	*Văn hóa, thể thao và Du lịch*	*Giáo dục và Đào tạo*	*Y tế*	*Ngân hàng*	*Thanh tra*	*Văn phòng*	*Khác*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(8)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*
1	**BQL khu kinh tế và khu công nghiệp**	37	30	7	3	*3*					2				1								
2	**Sở Công Thương**	120	112	8	3	*7*						7											
3	**Sở Dân tộc và Tôn Giáo**	37	32	5	2	*5*		1	4														
4	**Sở Khoa học và Công nghệ**	66	50	16	5	*15*				1					12						2		
5	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	74	67	7		*0*																	
6	**Sở Nội vụ**	85	75	10	6	*6*		5		1													
7	**Sở Nông nghiệp và Môi trường**	531	511	20		*0*																	
8	**Sở Tài chính**	113	108	5	4	*5*					4										1		
9	**Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**	69	63	6	5	*5*					2					2				1			
10	**Sở Xây dựng**	133	123	10	5	*7*					1			6									
11	**Sở Y tế**	89	75	14	10	*12*		2		2					2			5			1		
12	**Sở Tư pháp**	39	34	5		*0*																	
13	**Thanh tra tỉnh**	125	110	15	5	*8*				1	1				1					4	1		
14	**VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh**	30	18	12	2	*3*															3		Nội dung công tác liên quan đến lĩnh vực Văn phòng
15	**VP Ủy ban nhân dân tỉnh**	99	92	7	2	*3*															3		
TỔNG CỘNG		**1647**	**1500**	**147**	**52**	**79**		**8**	**4**	**5**	**10**	**7**		**6**	**16**	**2**		**5**		**5**	**11**		

PHỤ LỤC 1.2

CHI TIẾT NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2026 (CẤP TỈNH)

(Ban hành kèm theo Quyết định số ...1844.../QĐ-UBND ngày ...02.../6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM (Ghi đúng theo Phụ lục V. Danh mục VTVL công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan hành chính nhà nước, cấp tỉnh, ban hành kèm theo Nghị định 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ)	Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người)	Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người)	Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu)	Công tác tại	YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3) = (4) + (5)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	**BQL KHU KINH TẾ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP**	**7**	**4**	**3**			
	Ngành, Lĩnh vực Tài chính, kế hoạch	*6*	*4*	*2*			
1.1	Kế toán viên	2	1	1	Văn phòng	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, kiểm toán, tài chính	
1.2	Chuyên viên về quản lý đầu tư	4	3	1	Phòng Kế hoạch - Đầu tư và Xúc tiến	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Kinh tế, Tài chính - Đầu tư	
	Ngành, Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	*1*	*0*	*1*			
1.3	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	1	0	1	Văn phòng	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ sư Công nghệ thông tin; Cử nhân Tin học	
2	**SỞ CÔNG THƯƠNG**	**7**	**0**	**7**			
	Ngành, Lĩnh vực Công Thương	*7*	*0*	*7*			
2.1	Chuyên viên về Quản lý Năng lượng	2	0	2	Phòng Quản lý Năng lượng	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành: Điện; Điện công nghiệp	
2.2	Chuyên viên về Quản lý Công nghiệp	1	0	1	Phòng Quản lý Công nghiệp	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành: Quản lý công nghiệp; Kỹ thuật công nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Cơ khí; Hóa chất/ Hóa học; Vật liệu; Công nghệ chế tạo; Khai thác mỏ	
2.3	Kiểm soát viên về quản lý thị trường	4	0	4	Chi cục Quản lý Thị trường	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế; Thương mại; Quản trị kinh doanh; Luật; Quản lý thị trường; Kế toán	
3	**SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO**	**11**	**6**	**5**			
	Ngành, Lĩnh vực Nội vụ, Tổ chức cán bộ	*1*	*0*	*1*			
3.1	Chuyên viên về tổ chức cán bộ	1	0	1	Văn phòng	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý nhà nước; Quản trị văn phòng; Quản trị nhân lực; Hành chính công; Quản lý công; Công nghệ thông tin; Chuyển đổi số; Quản trị kinh doanh	
	Ngành, Lĩnh vực Dân tộc, Tôn giáo	*10*	*6*	*4*			
3.2	Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	10	6	4	Phòng Nghiệp vụ Tôn giáo	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tôn giáo học; Luật, Hành chính; Ngữ văn; Lịch sử; Việt Nam học; Triết học; Văn hóa học	Trong đó có 02/04 chỉ tiêu ưu tiên tuyển dụng là người đồng bào DTTS
4	**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	**21**	**5**	**15**			
	Ngành, Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	*15*	*2*	*12*			
4.1	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	10	1	8	Phòng Chuyển đổi số	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Công nghệ phần mềm; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin quản lý; Kỹ thuật máy tính; Khoa học máy tính; Khoa học dữ liệu; Khoa học dữ liệu ứng dụng; Hệ thống thông tin; Truyền thông và mạng máy tính; Thương mại điện tử; Trí tuệ nhân tạo và Robotics; An toàn thông tin; An ninh mạng; Trí tuệ nhân tạo (AI); Mạng máy tính; Mạng máy tính và truyền thông tin dữ liệu; Công nghệ đa phương tiện; Công nghệ phần mềm; Công nghệ web; Vi mạch bán dẫn; Công nghệ Internet vạn vật; Điện toán đám mây; Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số; Kiểm thử phần mềm; Sư phạm Tin học; Toán tin	
4.2	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	4	1	3	Phòng Khoa học và Công nghệ	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật; Kinh tế; Luật	
4.3	Chuyên viên về quản lý hoạt động đo lường	1	0	1	Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Điện - Điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Vật lý kỹ thuật; Cơ khí; Công nghệ Hóa học	
	Ngành, Lĩnh vực Tư pháp, pháp chế	*4*	*3*	*1*			
4.4	Chuyên viên về hành chính tư pháp	4	3	1	Phòng Pháp chế	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật	
	Ngành, Lĩnh vực Văn phòng	*2*	*0*	*2*			
4.5	Chuyên viên về tổng hợp.	1	0	1	Văn phòng Sở	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Hành chính; Công nghệ thông tin	

TT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM (Ghi đúng theo Phụ lục II - Danh mục VTVL công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính ở cấp bộ, cấp tỉnh - ban hành kèm theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ)	Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người)	Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người)	Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu)	Công tác tại	YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành)	Ghi chú
4.6	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	1	0	1	Văn phòng Sở	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Hành chính; Công nghệ thông tin	
5	**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	0	0	0			
6	**SỞ NỘI VỤ**	**19**	**13**	**6**			
	Ngành, Lĩnh vực Nội vụ, Tổ chức cán bộ	*18*	*13*	*5*			
6.1	Chuyên viên về chính quyền địa phương	5	4	1	Phòng Xây dựng chính quyền và Công tác thanh niên	Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành Quản lý nhà nước/Chuyên ngành: Quản lý kinh tế; Quản lý Công; Hành chính công; Luật; Hành chính	
6.2	Chuyên viên về Tổ chức - biên chế	4	3	1	Phòng Tổ chức, Biên chế và Công chức, Viên chức	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Hành chính; Kinh doanh và quản lý; Pháp luật; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	
6.3	Chuyên viên về Cán bộ, công chức, viên chức và công vụ	4	3	1	Phòng Tổ chức, Biên chế và Công chức, Viên chức	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Hành chính; Kinh doanh và quản lý; Pháp luật; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	
6.4	Chuyên viên về Tổ chức cán bộ	2	1	1	Phòng Tổ chức, Biên chế và Công chức, Viên chức	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Hành chính; Kinh doanh và quản lý; Pháp luật; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	
6.5	Chuyên viên về cải cách hành chính	3	2	1	Phòng Cải cách hành chính và Văn thư lưu trữ	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý nhà nước; Hành chính công; Chính sách công; Quản lý kinh tế; Luật	
	Ngành, Lĩnh vực Tư pháp, pháp chế	*1*	*0*	*1*			
6.6	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và tiếp cận pháp luật	1	0	1	Phòng Pháp chế	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Luật Hành chính	
7	**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	0	0	0			
8	**SỞ TÀI CHÍNH**	**30**	**21**	**5**			
	Ngành, Lĩnh vực Văn phòng	*1*	*0*	*1*			
8.1	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	1	0	1	Văn phòng Sở	Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm chuyên ngành: Quản trị nhân sự	
	Ngành, Lĩnh vực Tài chính, kế hoạch	*29*	*21*	*4*			
8.2	Chuyên viên về quản lý đầu tư	12	9	1	Phòng Quản lý Đầu tư ngoài ngân sách	Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm chuyên ngành: Kinh tế	
8.3	Chuyên viên về quản lý giá	6	4	2	Phòng Quản lý Giá và Công sản	Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm chuyên ngành: Quản lý Đất đai	
8.4	Chuyên viên về quản lý tài chính ngân sách nhà nước	11	8	1	Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp	Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm chuyên ngành: Kinh tế; Tài chính	
9	**SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**	**13**	**7**	**5**			
	Ngành, Lĩnh vực Tài chính, kế hoạch	*2*	*0*	*2*			
9.1	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước	1	0	1	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán; Tài chính - Kế toán	
9.2	Chuyên viên về quản lý tài sản công	1	0	1	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán; Tài chính - Kế toán	
	Ngành, Lĩnh vực Thanh tra	*3*	*2*	*1*			
9.3	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại tố cáo	3	2	1	Phòng Pháp chế	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật (tổng hợp); Luật Hành chính	
	Ngành, Lĩnh vực Văn hóa, thể thao và Du lịch	*8*	*5*	*2*			
9.4	Chuyên viên quản lý thể dục thể thao cho mọi người	4	2	1	Phòng Quản lý Thể dục thể thao	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Thể dục thể thao; Luật hành chính	
9.5	Chuyên viên quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp	4	3	1	Phòng Quản lý Thể dục thể thao	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Thể dục thể thao; Luật hành chính	
10	**SỞ XÂY DỰNG**	**29**	**22**	**7**			

TT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM (Ghi đúng theo Phụ lục II - Danh mục VTVL công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính ở cấp bộ, cấp tỉnh - ban hành kèm theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ)	Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người)	Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người)	Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu)	Công tác tại	YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành)	Ghi chú
	Ngành, Lĩnh vực Xây dựng	*25*	*19*	*6*			
10.1	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	4	3	1	Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Giao thông; Thủy lợi; Vật liệu xây dựng; Quy hoạch; Kiến trúc; Luật; Hành chính	
10.2	Chuyên viên về quản lý về nhà ở	7	5	2	Phòng Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng; Giao thông; Quy hoạch; Luật; Kinh tế; Quản lý đất đai	
10.3	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông	6	5	1	Phòng Quản lý giao thông	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Cầu đường; Cầu hầm; Quản lý dự án; Xây dựng; Giao thông	
10.4	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông	8	6	2	Phòng Quản lý giao thông; Cảng vụ Đường thuỷ nội địa	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Cầu đường; Cầu hầm; Quản lý dự án; Xây dựng; Giao thông	
	Ngành, Lĩnh vực Tài chính, kế hoạch	*4*	*3*	*1*			
10.5	Chuyên viên về quản lý giá	4	3	1	Phòng Kinh tế và vật liệu xây dựng/ Phòng Quản lý vận tải	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng; Giao thông; Luật; Kinh tế; Vật liệu xây dựng; Tài chính; Thuế; Kế toán	
11	**SỞ Y TẾ**	**29**	**17**	**12**			
	Ngành, Lĩnh vực Nội vụ, Tổ chức cán bộ	*4*	*2*	*2*			
11.1	Chuyên viên tổ chức - biên chế	2	1	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Bác sĩ Y khoa; Bác sĩ Y học dự phòng; Y tế công cộng	
11.2	Chuyên viên về tổ chức cán bộ	2	1	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa/Bác sĩ Y khoa	
	Ngành, Lĩnh vực khoa học và công nghệ	*1*	*0*	*1*			
11.3	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	1	0	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Ngành, Lĩnh vực Văn phòng	*1*	*0*	*1*			
11.4	Chuyên viên về lưu trữ	1	0	1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Văn thư - lưu trữ; Lưu trữ học; Lưu trữ học và quản trị văn phòng	
	Ngành, Lĩnh vực Y tế	*5*	*3*	*2*			
11.5	Chuyên viên về phòng bệnh	2	1	1	Phòng Nghiệp vụ Y	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Bác sĩ Y khoa; Bác sĩ Y học dự phòng; Y tế công cộng	
11.6	Chuyên viên về quản lý khám, chữa bệnh	3	2	1	Phòng Nghiệp vụ Y	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Bác sĩ Y khoa; Bác sĩ Y học dự phòng	
	Ngành, Lĩnh vực Tư pháp Pháp chế	*3*	*1*	*2*			
11.7	Chuyên viên về xây dựng pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	2	1	1	Phòng Pháp chế	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật Hành chính	
11.8	Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính	1	0	1	Phòng Pháp chế	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật Kinh tế; Luật Dân sự	
	CHI CỤC DÂN SỐ	**4**	**2**	**2**			
	Ngành, Lĩnh vực khoa học công nghệ	*1*	*0*	*1*			
11.9	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	1	0	1	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Ngành, Lĩnh vực Y tế	*3*	*2*	*1*			
11.10	Chuyên viên về Dân số	3	2	1	Phòng Nghiệp vụ	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y tế công cộng; Bác sĩ Y học Dự phòng	
	CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	**11**	**9**	**2**			
	Ngành, Lĩnh vực Y tế	*11*	*9*	*2*			
11.11	Chuyên viên Quản lý về an toàn thực phẩm	11	9	2	Phòng Nghiệp vụ	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Bác sĩ hoặc Cử nhân Y tế công cộng; Kỹ sư/Cử nhân Công nghệ thực phẩm; Kỹ sư/Cử nhân Công nghệ sinh học	

TT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM (Ghi đúng theo Phụ lục II - Danh mục VTVL công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính ở cấp bộ, cấp tỉnh - ban hành kèm theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ)	Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người)	Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người)	Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu)	Công tác tại	YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành)	Ghi chú
12	**SỞ TƯ PHÁP**	0	0	0			
13	**THANH TRA TỈNH**	**18**	**10**	**8**			
	Ngành, Lĩnh vực Tư pháp, pháp chế	*1*	*0*	*1*			
13.1	Chuyên viên về hành chính, tư pháp	1	0	1	Văn phòng	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật Hành chính	
	Ngành, Lĩnh vực Tài chính, kế hoạch	*1*	*0*	*1*			
13.2	Kế toán viên	1	0	1	Văn phòng	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán; Tài chính	
	Ngành, Lĩnh vực Văn phòng	*1*	*0*	*1*			
13.3	Văn thư viên	1	0	1	Văn phòng	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Văn thư - lưu trữ; Lưu trữ học; Lưu trữ học và quản trị văn phòng	
	Ngành, Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	*2*	*1*	*1*			
13.4	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	2	1	1	Văn phòng	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Ngành, Lĩnh vực Thanh tra	*13*	*9*	*4*			
13.5	Chuyên viên về công tác thanh tra	5	3	2	Phòng Thanh tra khối ngành tư pháp, nội vụ	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật	
		8	6	2	Phòng Thanh tra khối ngành nông nghiệp, môi trường	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên môi trường	
14	**VP ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH**	**17**	**11**	**3**			
14.1	Chuyên viên về Công tác Quốc hội	7	5	1	Phòng Công tác Quốc hội	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Luật; Luật Kinh tế.	
14.2	Chuyên viên về Công tác Hội đồng nhân dân	10	6	2	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Luật; Hành chính.	
15	**VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**	**6**	**3**	**3**			
	Ngành, lĩnh vực Văn phòng	*6*	*3*	*3*			
15.3	Chuyên viên về tổng hợp	1	0	1	Phòng Khoa giáo - Văn xã	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Hành chính	
	Chuyên viên về tổng hợp	2	1	1	Phòng Hành chính - Tổ chức	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Hành chính	
15.4	Văn thư viên	3	2	1	Phòng Hành chính - Tổ chức	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Văn thư lưu trữ; Quản trị văn phòng	
TỔNG CỘNG		**207**	**119**	**79**			

PHỤ LỤC 2.1

TỔNG HỢP NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2026 (CẤP XÃ)

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-UBND ngày 02/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

STT	Địa phương	Biên chế công chức được giao năm 2025 (biên chế)	Số lượng cán bộ, công đang có mặt tính đến 25/5/2026 (người)	Số lượng biên chế công chức chưa sử dụng tính đến 25/5/2026 (biên chế)	TỔNG NHU CẦU TUYỂN DỤNG (chỉ tiêu)	Lĩnh vực Văn phòng (03 VTVL)				Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch (03 VTVL)				Lĩnh vực xây dựng (03 VTVL)			Lĩnh vực Công Thương (01 VTVL)	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường (04 VTVL)				Lĩnh vực Nội vụ (03 VTVL)			Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo (01 VTVL)	Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học, Thông tin (03 VTVL)			Lĩnh vực Y tế (01 VTVL)	Phục vụ hành chính công (01 VTVL)	Sử dụng tại các Phòng chuyên môn theo quy định của cấp có thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Phòng (05 VTVL)					Ghi chú
						II - 9	II - 10	II - 11	II - 12	II - 13	II - 14	II - 15	II - 16	II - 17	II - 18	II - 19	II - 20	II - 21	II - 22	II - 23	II - 24	II - 25	II - 26	II - 27	II - 28	II - 29	II - 30	II - 31	II - 32	II - 33	II - 35	II - 36	II - 37	II - 40	II - 41	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)
1	Phường Nha Trang	90	84	6	4		1		1						1														1							
2	Phường Bắc Nha Trang	78	70	8	7		1						1	1								2								1	1					
3	Phường Tây Nha Trang	72	63	9	8		1					1		1		1						1						1	1			1				
4	Phường Nam Nha Trang	77	69	8	7		1	1												1			1		1						1	1				
5	Phường Bắc Cam Ranh	45	40	5	4									1											1			1							1	
6	Phường Cam Ranh	45	38	7	7			1					1				1					1					1	1	1							
7	Phường Cam Linh	40	38	2	2									1																		1				
8	Phường Ba Ngòi	39	35	4	4							1								2							1									
9	Xã Nam Cam Ranh	39	32	7	7		1					1			1						1		1				1				1					
10	Phường Ninh Hòa	54	49	5	5		1								1					1							1			1						
11	Phường Đông Ninh Hòa	48	42	6	6									1				1		2					1							1				
12	Phường Hòa Thắng	37	29	8	7		1				1	1			1							1						1				1				
13	Xã Bắc Ninh Hòa	42	32	10	10									1	1	1				3					1				1			1			1	
14	Xã Tân Định	44	33	11	11	1			1	1		1			1					2	1	1										1			1	
15	Xã Nam Ninh Hòa	40	32	8	7						1			1							1						1	1		1					1	
16	Xã Tây Ninh Hòa	32	27	5	5	1									1							1				1									1	
17	Xã Hòa Trí	38	34	4	4										1				1						1							1				
18	Xã Vạn Ninh	50	42	8	8				1					1		1	1				1				1		1			1						
19	Xã Vạn Hưng	34	32	2	2										1																	1				
20	Xã Vạn Thắng	39	29	10	8							1		1					1	1							1		1			1			1	
21	Xã Tu Bông	38	32	6	6										1										1			1		1		1			1	
22	Xã Đại Lãnh	36	29	7	7				1		1						1											1							3	
23	Xã Diên Khánh	46	38	8	7	1		1			1			1															1	2						
24	Xã Diên Lạc	35	27	8	5		1								1												1		1		1					
25	Xã Diên Điền	43	34	9	8		1	1				1				1	1								1	1						1				
26	Xã Diên Lâm	34	28	6	6		1											1			1						1		1			1				
27	Xã Suối Hiệp	36	30	6	5										1					1					1				1	1						
28	Xã Diên Thọ	34	30	4	4									1						1												1			1	
29	Xã Cam Lâm	59	54	5	1																							1								
30	Xã Suối Dầu	40	33	7	7			1	1		1				1										1		1		1							
31	Xã Cam Hiệp	38	31	7	7			1	1		1					1		1							1							1				
32	Xã Cam An	43	39	4	4		1													1							1			1						
33	Xã Bắc Khánh Vĩnh	34	31	3	2		1	1																												
34	Xã Trung Khánh Vĩnh	36	31	5	4									1						1		1										1				
35	Xã Tây Khánh Vĩnh	37	31	6	5						1					1		1											1			1				
36	Xã Nam Khánh Vĩnh	41	38	3	3						1	1															1									
37	Xã Khánh Vĩnh	36	31	5	5						1											1							1			1			1	
38	Xã Khánh Sơn	46	38	8	7			1								1	1	1					1					1	1							
39	Xã Tây Khánh Sơn	44	38	6	5						1				1														1			1			1	
40	Xã Đông Khánh Sơn	48	44	4	4											1													1	1		1				
41	Xã Ninh Phước	50	46	4	4										1					1		1			1											
42	Xã Phước Hữu	41	35	6	5									1	1												1		1	1						
43	Xã Phước Hậu	48	42	6	6		1					1			1					1							1			1						
44	Xã Thuận Nam	38	24	14	10	2	1				1			1	1					1		1				1				1						
45	Xã Cà Ná	36	26	10	10			1				1			1	1	1					1			1		1		1			1				
46	Xã Phước Hà	38	34	4	2												1															1				
47	Xã Phước Dinh	47	40	7	1																							1								
48	Xã Ninh Hải	42	38	4	4							1								1					1							1				
49	Xã Xuân Hải	46	41	5	2															1												1				
50	Xã Vĩnh Hải	49	39	10	8				1		1			1						1					1							3				
51	Xã Thuận Bắc	44	41	3	3				1					1							1															
52	Xã Công Hải	40	33	7	6						1				1					1				1	1							1				
53	Xã Ninh Sơn	41	33	8	4			1	1		1																					1				
54	Xã Lâm Sơn	38	35	3	3							1								1							1									
55	Xã Anh Dũng	33	27	6	4						1				1	1											1									
56	Xã Mỹ Sơn	35	33	2	0																															
57	Xã Bác Ái Đông	44	42	2	2																							1		1						
58	Xã Bác Ái	45	39	6	6							1			1					1					1		1		1							
59	Xã Bác Ái Tây	38	34	4	4		1										1							1				1								
60	Phường Phan Rang	60	55	5	3										1					1												1				
61	Phường Đông Hải	51	45	6	6			1						1	1		1			1							1									
62	Phường Ninh Chử	43	39	4	4						1									1	1											1				
63	Phường Bảo An	46	41	5	4										1					1	1				1											
64	Phường Đô Vinh	41	36	5	2																	1					1									
TỔNG CỘNG		**2821**	**2435**	**386**	**328**	5	15	11	9	1	16	13	2	17	25	10	9	5	2	29	8	13	3	2	18	3	20	12	18	14	4	31	0	0	13	

PHỤ LỤC 2.2

CHI TIẾT NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2026 (CẤP XÃ)

(ban hành kèm theo Quyết định số 1844...../QĐ-UBND ngày .02...../6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người)	Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người)	Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu)	YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3) = (4) + (5)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
	CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ					
	Lĩnh vực Văn phòng					
II - 9	**Chuyên viên tham mưu, giúp việc Hội đồng nhân dân**	*8*	*3*	*5*		
	Xã Tân Định	2	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Hành chính, Quản trị văn phòng	
	Xã Tây Ninh Hòa	2	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Hành chính, Đại học công tác Xã hội.	
	Xã Diên Khánh	2	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: tài chính, kế toán	
	Xã Thuận Nam	2	0	2	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý Công; Quản lý nhà nước; Hành chính; Quản lý nguồn nhân lực; Xã hội học; Công tác xã hội; Chính sách công; Kinh tế lao động; Quản trị văn phòng.	
II - 10	**Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực văn phòng**	*41*	*26*	*15*		
	Phường Nha Trang	15	14	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Kỹ thuật xây dựng, Quản lý đất đai.	
	Phường Bắc Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản trị văn phòng, Hành chính học, Văn thư - Lưu trữ, Luật, Quản trị kinh doanh, Kinh tế, hoặc các ngành Khoa học xã hội & Nhân văn	
	Phường Tây Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quy hoạch, Kỹ thuật xây dựng, Quản lý đất đai	
	Phường Nam Nha Trang	5	4	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Luật, Hành chính	
	Xã Nam Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật	
	Phường Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Kinh tế, Sư phạm	
	Phường Hòa Thắng	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Hành chính, Luật	
	Xã Diên Lạc	2	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý Công; Quản lý nhà nước; Hành chính; Quản lý nguồn nhân lực; Xã hội học; Công tác xã hội; Chính sách công; Kinh tế lao động; Quản lý văn hoá; Quản trị kinh doanh; Tài chính; Kinh tế	
	Xã Diên Điền	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý Công; Quản lý nhà nước; Hành chính; Quản lý nguồn nhân lực; Xã hội học; Công tác xã hội; Chính sách công; Kinh tế lao động; Quản lý văn hoá; Quản trị kinh doanh; Tài chính; Kinh tế	
	Xã Diên Lâm	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý hành chính công	
	Xã Cam An	4	3	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật	
	Xã Bắc Khánh Vĩnh	2	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý nhà nước; Quản lý văn hoá.	
	Xã Phước Hậu	2	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản trị Văn phòng; Hành chính – Văn phòng, Luật	
	Xã Thuận Nam	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật	
	Xã Bác Ái Tây	3	2	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật	
II - 11	**Chuyên viên về hành chính - văn phòng, quản trị công sở**	*19*	*8*	*11*		
	Phường Nam Nha Trang	4	3	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý hành chính công, Luật, Kỹ sư Kinh tế thủy sản, Lưu trữ học và Quản trị văn phòng.	
	Phường Cam Ranh	*2*	*1*	*1*	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản trị văn phòng, Lưu trữ học, Quản trị công, Hành chính	
	Xã Diên Khánh	2	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Xã Diên Điền	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý Công; Quản lý nhà nước; Hành chính; Quản lý nguồn nhân lực; Xã hội học; Công tác xã hội; Chính sách công; Kinh tế lao động; Quản lý văn hoá; Quản trị kinh doanh	
	Xã Suối Dầu	3	2	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Hành chính nhà nước; Quản trị văn phòng; Văn phòng tổng hợp	
	Xã Cam Hiệp	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Hành chính học, Quản trị văn phòng, Quản lý công, Luật, Văn thư - Lưu trữ	
	Xã Bắc Khánh Vĩnh	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý nhà nước; Công nghệ kỹ thuật Môi trường	
	Xã Khánh Sơn	2	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý Công; Quản lý nhà nước; Hành chính; Quản lý nguồn nhân lực; Xã hội học; Công tác xã hội; Chính sách công; Kinh tế lao động; Quản lý văn hoá; Quản trị kinh doanh	
	Xã Cà Ná	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý nhà nước, Hành chính, Quản trị văn phòng	
	Xã Ninh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Đại học Kế toán, Hành chính, Quản trị văn phòng	
	Phường Đông Hải	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản trị văn phòng, Văn thư-Lưu trữ, Hành chính học, Quản lý công, Quản lý nhà nước, Quản lý nguồn nhân lực, Chính sách công	
	Lĩnh vực Tư pháp					
II - 12	**Chuyên viên về lĩnh vực tư pháp**	*15*	*6*	*9*		

TT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người)	Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người)	Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu)	YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành)	Ghi chú
	Phường Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật	
	Xã Tân Định	2	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật	
	Xã Vạn Ninh	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý Công; Quản lý Nhà nước; Hành chính; Chính sách công	
	Xã Đại Lãnh	2	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật	
	Xã Suối Dầu	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý nhà nước; Hành chính nhà nước	
	Xã Cam Hiệp	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật	
	Xã Vĩnh Hải	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý nhà nước; Hành chính	
	Xã Thuận Bắc	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật	
	Xã Ninh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật	
	Lĩnh vực Đối ngoại					
II - 13	**Chuyên viên về lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế, biên giới, lãnh thổ quốc gia**	*1*	*0*	*1*		
	Xã Tân Định	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính công, Quản lý nhà nước	
	Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch					
II - 14	**Chuyên viên về lĩnh vực tài chính**	*30*	*14*	*16*		
	Phường Hòa Thắng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán	
	Xã Nam Ninh Hòa	3	2	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	
	Xã Đại Lãnh	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành hoặc nhóm ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán	
	Xã Diên Khánh	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính hoặc kinh tế	
	Xã Suối Dầu	3	2	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính, kế toán, kiểm toán, Tài chính nhà nước, Tài chính công	
	Xã Cam Hiệp	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, tài chính, kinh tế.	
	Xã Tây Khánh Vĩnh	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, tài chính, kinh tế.	
	Xã Nam Khánh Vĩnh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, tài chính, kinh tế.	
	Xã Khánh Vĩnh	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế	
	Xã Tây Khánh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính, Kế toán, Ngân hàng	
	Xã Thuận Nam	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính; Kế toán; Kiểm toán	
	Xã Vĩnh Hải	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Tài chính nhà nước; Tài chính ngân hàng	
	Xã Công Hải	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Tài chính Nhà nước, Tài chính công	
	Xã Ninh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, tài chính, kinh tế.	
	Xã Anh Dũng	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, tài chính, kinh tế.	
	Phường Ninh Chử	3	2	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính	
II - 15	**Chuyên viên về lĩnh vực kế hoạch, đầu tư, thống kê**	*16*	*3*	*13*		
	Phường Tây Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế, Quy hoạch, Đầu tư, Tài chính, Thương mại, hoặc Thống kê	
	Phường Ba Ngòi	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế phát triển, kinh tế kế hoạch và đầu tư	
	Xã Nam Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế, Đầu tư	
	Phường Hòa Thắng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính công, Kinh tế	
	Xã Tân Định	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, tài chính, kinh tế.	
	Xã Vạn Thắng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán; Tài chính; Quản trị kinh doanh; Kinh tế; Luật; Luật Kinh tế; Quản lý nhà nước	
	Xã Diên Điền	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế (kinh tế phát triển, kinh tế đầu tư…), kế hoạch và đầu tư, tài chính, thống kê, quản lý nhà nước về kinh tế	
	Xã Nam Khánh Vĩnh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, tài chính, kinh tế.	
	Xã Phước Hậu	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính, Quản trị Kinh doanh hoặc nhóm ngành kinh tế	
	Xã Cà Ná	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính, Kế toán	
	Xã Ninh Hải	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế, Kế toán, Quản trị kinh doanh	

TT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người)	Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người)	Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu)	YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành)	Ghi chú
	Xã Lâm Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế, Luật Kinh tế, Kế toán	
	Xã Bác Ái	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý Quy hoạch, Tài chính, Kinh tế	
II - 16	**Chuyên viên về lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể**	*2*	*0*	*2*		
	Phường Bắc Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật (Luật kinh tế, Luật dân sự), Kinh tế (Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển), Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, hoặc Kế toán	
	Phường Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, Quản trị Kinh doanh	
	Lĩnh vực Xây dựng					
II - 17	**Chuyên viên về lĩnh vực quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc**	*18*	*1*	*17*		
	Phường Bắc Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quy hoạch vùng và đô thị, Kiến trúc, Kiến trúc cảnh quan, Quản lý đô thị và công trình, và Kỹ thuật hạ tầng đô thị	
	Phường Tây Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quy hoạch, Kiến trúc, Kiến trúc đô thị, hoặc Hạ tầng kỹ thuật	
	Phường Bắc Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Quản lý Đô thị và công trình, Kỹ thuật xây dựng dân dụng và Công nghiệp, Quản lý dự án, Kiến trúc và quy hoạch, Xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Công nghệ kỹ thuật giao thông	
	Phường Cam Linh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kiến trúc sư quy hoạch	
	Phường Đông Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Kiến trúc và quy hoạch; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	
	Xã Bắc Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế xây dựng, xây dựng	
	Xã Nam Ninh Hòa	2	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý xây dựng	
	Xã Vạn Ninh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý dự án, Kiến trúc và quy hoạch, Xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình thuỷ, Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Công nghệ kỹ thuật giao thông, Đô thị, Trắc địa, Công nghệ vật liệu, Kinh tế, Giao thông vận tải, cấp thoát nước, điện, kinh tế xây dựng	
	Xã Vạn Thắng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quy hoạch, ngành Xây dựng, ngành Kiến trúc, ngành Kỹ thuật điện	
	Xã Diên Khánh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quy hoạch kiến trúc, xây dựng	
	Xã Diên Thọ	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ sư xây dựng, kiến trúc sư quy hoạch	
	Xã Trung Khánh Vĩnh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý dự án, Kiến trúc và quy hoạch, Xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Đô thị, Trắc địa, Công nghệ vật liệu, Kinh tế, Giao thông vận tải, cấp thoát nước, điện, kinh tế xây dựng	
	Xã Phước Hữu	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kiến trúc Quy hoạch, xây dựng	
	Xã Thuận Nam	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý dự án, Kiến trúc và quy hoạch, Xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình thuỷ, Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Công nghệ kỹ thuật giao thông, Đô thị, Trắc địa, Công nghệ vật liệu, Kinh tế, Giao thông vận tải, cấp thoát nước, điện, kinh tế xây dựng	
	Xã Vĩnh Hải	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý dự án; Kiến trúc và quy hoạch; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Đô thị, Trắc địa; Công nghệ vật liệu; Kinh tế; Giao thông vận tải, Cấp thoát nước; Kinh tế xây dựng	
	Xã Thuận Bắc	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: xây dựng, kiến trúc, quy hoạch	
	Phường Đông Hải	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý dự án, Kiến trúc và quy hoạch, Xây dựng, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	
II - 18	**Chuyên viên về lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị, vật liệu xây dựng, nhà ở, công sở**	*28*	*2*	*25*		
	Phường Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc, Quản lý đô thị, Quy hoạch xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình, Phát triển đô thị	
	Xã Nam Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: kỹ sư xây dựng	
	Phường Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông vận tải	
	Phường Hòa Thắng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng	
	Xã Bắc Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc, Quản lý đô thị, Quy hoạch xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình, Phát triển đô thị	
	Xã Tân Định	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật xây dựng công trình, Kỹ thuật xây dựng	
	Xã Tây Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Quy hoạch, Kiến trúc	
	Xã Hòa Trí	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng	
	Xã Vạn Hưng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng	

TT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người)	Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người)	Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu)	YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành)	Ghi chú
	Xã Tu Bông	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý dự án, Kiến trúc và quy hoạch, Xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Công nghệ kỹ thuật giao thông	
	Xã Diên Lạc	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng công trình giao thông	
	Xã Suối Hiệp	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật công trình xây dựng; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng; Kỹ thuật hạ tầng đô thị; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật xây dựn; Quản lý đô thị; Kiến trúc công trình; Giao thông đô thị; Kỹ thuật công trình giao thông; Địa chính – quản lý đất đai	
	Xã Suối Dầu	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc, Quản lý đô thị, Quy hoạch xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình.	
	Xã Tây Khánh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Xây dựng	
	Xã Ninh Phước	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng	
	Xã Phước Hữu	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng	
	Xã Phước Hậu	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ sư Xây dựng, hoặc Kiến trúc sư	
	Xã Thuận Nam	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc, Quản lý đô thị, Quy hoạch xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình, Phát triển đô thị	
	Xã Cà Ná	2	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng	
	Xã Công Hải	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng	
	Xã Anh Dũng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng (Kỹ thuật xây dựng hoặc Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng)	
	Xã Bác Ái	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Đầu tư Xây dựng, xây dựng	
	Phường Phan Rang	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quy hoạch; Kiến trúc; Xây dựng	
	Phường Đông Hải	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật xây dựng chuyên ngành xây dựng dân dụng và chuyên nghiệp	
	Phường Bảo An	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Quản lý xây dựng	
II - 19	**Chuyên viên về lĩnh vực giao thông**	*10*	*0*	*10*		
	Phường Tây Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giao thông vận tải, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kinh tế vận tải, Quy hoạch đô thị, Quản lý giao thông	
	Xã Bắc Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giao thông, Kinh tế vận tải, Kỹ thuật giao thông, Xây dựng công trình giao thông	
	Xã Vạn Ninh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giao thông, Xây dựng, Kinh tế vận tải, Kỹ thuật giao thông, Xây dựng công trình giao thông	
	Xã Diên Điền	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giao thông, Xây dựng, Kinh tế vận tải, Kỹ thuật giao thông, Xây dựng công trình giao thông	
	Xã Cam Hiệp	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Giao thông	
	Xã Tây Khánh Vĩnh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Giao thông	
	Xã Khánh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giao thông, Xây dựng, Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
	Xã Đông Khánh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: kỹ thuật xây dựng công nghệ giao thông, chuyên ngành Giao thông	
	Xã Cà Ná	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: xây dựng, giao thông vận tải	
	Xã Anh Dũng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
	Lĩnh vực Công Thương					
II - 20	**Chuyên viên về lĩnh vực Công Thương**	*9*	*0*	*9*		
	Phường Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, Quản trị Kinh doanh, Luật - Kinh tế, Kinh tế học	
	Xã Vạn Ninh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế học (nhóm ngành), Tài chính - Ngân hàng, Kế toán - kiểm toán, Luật kinh tế, Thương mại, Ngoại thương, Quản trị kinh doanh	
	Xã Đại Lãnh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành hoặc nhóm ngành: Quản lý công nghiệp; Quản trị kinh doanh; Kinh tế	
	Xã Diên Điền	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế học (nhóm ngành), Tài chính - Ngân hàng, Kế toán - kiểm toán, Luật kinh tế, Thương mại, Ngoại thương, Quản trị kinh doanh	
	Xã Khánh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật kinh tế, Thương mại, Ngoại thương, Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng.	
	Xã Cà Ná	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: tài chính, quản trị kinh doanh	
	Xã Phước Hà	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Xây dựng, Kinh tế	
	Xã Bác Ái Tây	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ giấy và Bột giấy, Luật, Công nghệ, Tài Chính, Kinh tế	
	Phường Đông Hải	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Thương mại, Ngoại thương, Tài chính - Ngân hàng	
	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường					
II - 21	**Chuyên viên về lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo**	*7*	*2*	*5*		

TT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người)	Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người)	Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu)	YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành)	Ghi chú
	Phường Đông Ninh Hòa	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Nông, lâm nghiệp và Thủy sản; Thú y; Khoa học trái đất; Khoa học môi trường; Công tác xã hội; Xã hội học và Nhân học	
	Xã Diên Lâm	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành Quản lý đất đai và nhóm ngành Nông nghiệp.	
	Xã Cam Hiệp	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Nông nghiệp	
	Xã Tây Khánh Vĩnh	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp	
	Xã Khánh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Nông nghiệp (Trồng trọt, Chăn nuôi, Khuyến nông, Kỹ thuật nông nghiệp...); Thủy lợi.	
II - 22	**Chuyên viên về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn**	*2*	*0*	*2*		
	Xã Hòa Trí	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: quản lý đất đai, nông nghiệp và môi trường	
	Xã Vạn Thắng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, ngành nhóm: Nông, lâm nghiệp và thủy sản	
II - 23	**Chuyên viên về lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản**	58	28	29		
	Phường Nam Nha Trang	6	4	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai	
	Phường Ba Ngòi	2	0	2	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai	
	Phường Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai, Tài nguyên môi trường, Luật	
	Phường Đông Ninh Hòa	2	0	2	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa; Luật	
	Xã Bắc Ninh Hòa	5	2	3	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai	
	Xã Tân Định	4	2	2	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai	
	Xã Vạn Thắng	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Địa chính; Đất đai; Trắc địa; Quản lý đất đai; Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa	
	Xã Suối Hiệp	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai; Địa chính; Địa chính – quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên và môi trường; Hệ thống thông tin đất đai; GIS và viễn thám; Tài nguyên và môi trường; Quản lý công nghệ môi trường và đô thị	
	Xã Diên Thọ	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai	
	Xã Cam An	3	2	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường	
	Xã Trung Khánh Vĩnh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường, Khoa học và quản lý môi trường, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Đất đai, Địa chính, bản đồ	
	Xã Ninh Phước	3	2	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai	
	Xã Phước Hậu	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản	
	Xã Thuận Nam	3	2	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai; Tài nguyên - môi trường	
	Xã Ninh Hải	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Sinh học	
	Xã Xuân Hải	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý tài nguyên, môi trường.	
	Xã Vĩnh Hải	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học và Quản lý môi trường; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Mỏ - địa chất	
	Xã Công Hải	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Lâm nghiệp, đo đạc, quản lý đất đai	
	Xã Lâm Sơn	3	2	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai	
	Xã Bác Ái	3	2	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai	
	Phường Phan Rang	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản lý đất đai	
	Phường Đông Hải	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kiến trúc, Quản lý đất đai	
	Phường Ninh Chử	3	2	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai	
	Phường Bảo An	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai	
II - 24	**Chuyên viên về lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước**	8	0	8		
	Xã Nam Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Môi trường	
	Xã Tân Định	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	
	Xã Nam Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý môi trường	
	Xã Vạn Ninh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường, Khoa học và quản lý môi trường, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Quản lý tài nguyên nước, Công nghệ hóa môi trường, Quản lý môi trường, Sinh học	
	Xã Diên Lâm	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Môi trường	

TT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người)	Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người)	Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu)	YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành)	Ghi chú
	Xã Thuận Bắc	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài nguyên và Môi trường	
	Phường Ninh Chử	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý môi trường hoặc Quản lý tài nguyên và môi trường	
	Phường Bảo An	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường, kỹ thuật môi trường, quản lý tài nguyên môi trường	
	Lĩnh vực Nội vụ					
II - 25	**Chuyên viên về lĩnh vực nội vụ**	*18*	*4*	*13*		
	Phường Bắc Nha Trang	2	0	2	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Quản lý Nhà nước, Công tác xã hội, Quản lý văn hóa, Quản trị văn phòng – lưu trữ, Hành chính	
	Phường Tây Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính	
	Phường Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính công, Quản lý công, Quản trị Văn phòng, Lưu trữ học, Quản lý nhà nước, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền	
	Phường Hòa Thắng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Hành chính học, Quản trị nhân lực, Quản lý nhà nước, Luật	
	Xã Tân Định	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính	
	Xã Tây Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật (nhóm ngành), Kinh tế học, Khoa học chính trị, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước, Hành chính học, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Chính sách công, Công tác xã hội, Xã hội học, Văn thư - Lưu trữ	
	Xã Trung Khánh Vĩnh	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Kinh tế học, Khoa học chính trị, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước, Hành chính học, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Chính sách công, Công tác xã hội, Xã hội học, Văn thư - Lưu trữ	
	Xã Khánh Vĩnh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính	
	Xã Ninh Phước	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý nhà nước, Hành chính học, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Chính sách công	
	Xã Thuận Nam	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Hành chính học, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Chính sách công, Công tác xã hội, Xã hội học, Văn thư - Lưu trữ	
	Xã Cà Ná	2	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính công, Quản lý công, Quản trị Văn phòng, Lưu trữ học, Quản lý nhà nước, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền	
	Phường Đô Vinh	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Hành chính học	
II - 26	**Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới**	*3*	*0*	*3*		
	Phường Nam Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý nhà nước, Chính sách công, Quản trị nhân lực, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán	
	Xã Nam Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công tác xã hội, Luật, Hành chính, Quản lý Nhà nước	
	Xã Khánh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý nhà nước, Quản lý công Xã hội học, Tài chính, Quản trị nhân lực	
II - 27	**Chuyên viên về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo**	*3*	*1*	*2*		
	Xã Công Hải	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý công, Khoa học chính trị, Xã hội học, Văn hóa học	
	Xã Bác Ái Tây	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Đại học chuyên ngành Luật; Xã hội học; Hành chính	
	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo					
II - 28	**Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo**	22	7	18		
	Phường Nam Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý giáo dục, Giáo dục học, Sư phạm, Tâm lý học giáo dục, Công nghệ thông tin, Luật	
	Phường Bắc Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Giáo dục học; Công nghệ giáo dục; Quản lý giáo dục	
	Phường Đông Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên; Dịch vụ xã hội.	
	Xã Bắc Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý giáo dục	
	Xã Hòa Trí	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý giáo dục	
	Xã Vạn Ninh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý giáo dục, Tâm lý học	
	Xã Tu Bông	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Giáo dục học; Công nghệ giáo dục; Quản lý giáo dục	
	Xã Diên Điền	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý giáo dục, Tâm lý học, Công nghệ thông tin, Xã hội học, Luật	
	Xã Suối Hiệp	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý giáo dục, Tâm lý học, Công nghệ thông tin, Xã hội học, Luật	
	Xã Suối Dầu	1	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý giáo dục	
	Xã Cam Hiệp	1	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giáo dục học; Công nghệ giáo dục; Quản lý giáo dục; Quản lý nhà nước; Hành chính; Luật; Xã hội học	
	Xã Ninh Phước	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý giáo dục, Xã hội học	
	Xã Cà Ná	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý Giáo dục	
	Xã Ninh Hải	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm, Quản lý Giáo dục	

TT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người)	Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người)	Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu)	YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành)	Ghi chú
	Xã Vĩnh Hải	1	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Sư phạm; Quản lý giáo dục; Giáo dục chính trị; Tâm lý học; Xã hội học; Giáo dục học	
	Xã Công Hải	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giáo dục và đào tạo; Sư phạm; Quản lý giáo dục	
	Xã Bác Ái	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý giáo dục	
	Phường Bảo An	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Giáo dục học, quản lý giáo dục, giáo dục tiểu học	
	Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin					
II - 29	**Chuyên viên về lĩnh vực văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo**	*3*	*0*	*3*		
	Xã Tây Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Văn hóa.	
	Xã Diên Điền	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Văn hóa học, Xã hội học, Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Thể dục thể thao, Truyền thông	
	Xã Thuận Nam	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Văn hóa học, Xã hội học, Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Thể dục thể thao, Truyền thông	
II - 30	**Chuyên viên về lĩnh vực phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số**	*20*	*0*	*20*		
	Phường Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Báo chí, truyền thông	
	Phường Ba Ngòi	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Xã Nam Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Phường Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Điện tử viễn thông	
	Xã Nam Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Báo chí, Truyền hình, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng.Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Hệ thống thông tin quản lý.Kinh tế số, Thương mại điện tử	
	Xã Vạn Ninh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Báo chí, Truyền thông, Quan hệ quốc tế, Công nghệ thông tin, Thương mại điện tử, Chuyển đổi số	
	Xã Vạn Thắng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý văn hóa; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin	
	Xã Diên Lạc	1		1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Báo chí, Truyền thông, Quan hệ quốc tế, Công nghệ thông tin, Thương mại điện tử, Quản lý công, Kinh tế	
	Xã Diên Lâm	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Báo chí, Truyền thông	
	Xã Suối Dầu	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin và các ngành liên quan đến công nghệ thông tin	
	Xã Cam An	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Xã Nam Khánh Vĩnh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Chuyển đổi số, Quản lý chuyển đổi số; Hệ thống thông tin quản lý và các chuyên ngành khác liên quan đến công nghệ thông tin, chuyển đổi số	
	Xã Phước Hữu	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tin học, Công nghệ thông tin	
	Xã Phước Hậu	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Xã Cà Ná	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Báo chí, truyền thông	
	Xã Lâm Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Xã Anh Dũng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Xã Bác Ái	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Phường Đông Hải	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Trí tuệ nhân tạo (AI), An toàn thông tin, Khoa học dữ liệu, Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu	
	Phường Đô Vinh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
II - 31	**Chuyên viên về lĩnh vực nghiên cứu khoa học; phát triển công nghệ; đổi mới sáng tạo; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân**	*12*	*0*	*12*		
	Phường Tây Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Phường Bắc Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ truyền thông; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin	
	Phường Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
	Phường Hòa Thắng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Xã Nam Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Quản lý công, Khoa học vật lý, Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Hóa học	
	Xã Tu Bông	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ truyền thông; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin	
	Xã Đại Lãnh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ truyền thông; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin	

TT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người)	Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người)	Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu)	YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành)	Ghi chú
	Xã Cam Lâm	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Tin học	
	Xã Khánh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, kỹ thuật phần mềm, Công nghệ phần mềm, mạng máy tính, hệ thống thông tin	
	Xã Phước Dinh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; An Toàn thông tin; Thương Mại điện tử; Quản lý công.	
	Xã Bác Ái Đông	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Khoa học tự nhiên; Kỹ thuật – công nghệ	
	Xã Bác Ái Tây	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ Thông tin	
	Lĩnh vực Y tế					
II - 32	**Chuyên viên về lĩnh vực y tế.**	*19*	*1*	*18*		
	Phường Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y khoa, Dược học, Y tế công cộng, Quản lý y tế	
	Phường Tây Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y dược hoặc công nghệ thực phẩm	
	Phường Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y học dự phòng, Y tế công cộng	
	Xã Bắc Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Quản lý y tế	
	Xã Vạn Thắng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y khoa, Y học dự phòng; Dược học; Hóa dược; Y tế công cộng; Quản lý Y tế; Tổ chức và Quản lý y tế; Công tác xã hội; Công tác thanh thiếu niên; Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	
	Xã Diên Khánh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y khoa, Y học dự phòng, Y tế công cộng, Dược, Quản lý y tế	
	Xã Diên Lạc	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Y khoa, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật y học, Y tế công cộng, Quản lý y tế	
	Xã Diên Lâm	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y khoa, Dược	
	Xã Suối Hiệp	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y khoa, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật y học, Y tế công cộng, Quản lý y tế	
	Xã Suối Dầu	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý y tế.	
	Xã Tây Khánh Vĩnh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Dược sỹ, bác sỹ, cử nhân các chuyên ngành y, quản lý y tế.	
	Xã Khánh Vĩnh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Quản lý y tế; Quản lý công	
	Xã Khánh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y khoa; Y học dự phòng; Dược học; Hóa dược; Y tế công cộng; Quản lý Y tế; Tổ chức và Quản lý y tế	
	Xã Tây Khánh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y đa khoa, Dược học, Y tế công cộng, Điều dưỡng hoặc Quản lý y tế	
	Xã Đông Khánh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Y khoa, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật y học, Y tế công cộng, Quản lý y tế.	
	Xã Phước Hữu	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Điều dưỡng; Kỹ thuật Y học; Y sĩ; Y tế công cộng, Quản lý y tế; Dược.	
	Xã Cà Ná	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Y khoa, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật y học, Y tế công cộng, Quản lý y tế	
	Xã Bác Ái	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý về y tế dự phòng, Quản lý y tế	
	Trung tâm Phục vụ hành chính công					
II - 33	**Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã**	56	42	14		
	Phường Bắc Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật; Quản trị; Quản lý; Khoa học Chính trị; Kinh tế học; Kinh doanh	
	Phường Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Luật, Quản lý đất đai, Xây dựng	
	Xã Nam Ninh Hòa	4	3	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Kế toán, Hành chính học, Quản lý công, Khoa học chính trị, Công nghệ thông tin, Xã hội học	
	Xã Vạn Ninh	5	4	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý công, Khoa học chính trị, Công nghệ thông tin, Xã hội học	
	Xã Tu Bông	4	3	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Luật Kinh tế, Tư pháp, Địa chính, Quản lý đất đai, Xây dựng, Công tác Xã hội, Quản lý giáo dục	
	Xã Diên Khánh	5	3	2	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Công tác xã hội, Hệ thống thông tin quản lý, Quản lý văn hóa, Lao động – xã hội	
	Xã Suối Hiệp	4	3	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính - Kế toán; Kế toán - kiểm toán; kế toán.	
	Xã Cam An	6	5	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Xã Đông Khánh Sơn	5	4	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý công, Khoa học chính trị, Xã hội học	
	Xã Phước Hữu	6	5	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Quản lý đất đai, Công nghệ thông tin, Hành chính.	
	Xã Phước Hậu	6	5	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Tài chính - Kế toán	
	Xã Thuận Nam	3	2	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý công, Khoa học chính trị, Công nghệ thông tin, Xã hội học	
	Xã Bác Ái Đông	6	5	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	

TT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người)	Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người)	Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu)	YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành)	Ghi chú
	Sử dụng tại các Phòng chuyên môn theo quy định của cấp có thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Phòng					
II - 35	**Chuyên viên về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng**	*5*	*1*	*4*		
	Phường Bắc Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Thanh tra, Quản lý nhà nước	
	Phường Nam Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật	
	Xã Nam Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật	
	Xã Diên Lạc	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính học, Quản lý công, Khoa học chính trị, Xã hội học	
II - 36	**Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**	*31*	*0*	*31*		
	Phường Tây Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Phường Nam Nha Trang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Phường Cam Linh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, khoa học công nghệ, chuyển đổi số	
	Phường Đông Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Lĩnh vực Máy tính; Công nghệ thông tin.	
	Phường Hòa Thắng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Xã Bắc Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin quản lý, An toàn thông tin, Thương mại điện tử	
	Xã Tân Định	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành Công nghệ thông tin, Tin học	
	Xã Hòa Trí	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin quản lý, An toàn thông tin, Thương mại điện tử	
	Xã Vạn Hưng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kỹ thuật máy tính, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Công nghệ đa phương tiện	
	Xã Vạn Thắng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin	
	Xã Tu Bông	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ truyền thông; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin	
	Xã Diên Điền	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin quản lý, An toàn thông tin, Thương mại điện tử, Quản lý công	
	Xã Diên Lâm	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ Thông tin	
	Xã Diên Thọ	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ Thông tin	
	Xã Cam Hiệp	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Xã Trung Khánh Vĩnh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin quản lý, Điện tử viễn thông, An toàn thông tin, Thương mại điện tử	
	Xã Tây Khánh Vĩnh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Xã Khánh Vĩnh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Xã Tây Khánh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Kỹ thuật mạng, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về máy tính và công nghệ thông tin	
	Xã Đông Khánh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin quản lý, An toàn thông tin	
	Xã Cà Ná	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Kỹ thuật máy tính, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Công nghệ đa phương tiện	
	Xã Phước Hà	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin quản lý, An toàn thông tin	
	Xã Ninh Hải	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Xã Xuân Hải	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Xã Vĩnh Hải	3	0	3	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin quản lý; An toàn thông tin	
	Xã Công Hải	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin quản lý, An toàn thông tin	
	Xã Ninh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Phường Phan Rang	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
	Phường Ninh Chử	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Công nghệ thông tin	
II - 37	**Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành**	*0*	*0*	*0*		
II - 40	**Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)**	*0*	*0*	*0*		
II - 41	**Kế toán viên**	*13*	*0*	*13*		
	Phường Bắc Cam Ranh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	
	Xã Bắc Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán	

TT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Dự kiến tỷ lệ công chức bố trí theo VTVL (người)	Hiện đang có mặt theo từng VTVL (người)	Nhu cầu tuyển dụng theo từng VTVL (chỉ tiêu)	YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THEO MÔ TẢ VTVL (Ghi rõ yêu cầu: Tốt nghiệp Đại học trở lên nhóm ngành/ngành/chuyên ngành)	Ghi chú
	Xã Tân Định	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng	
	Xã Nam Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	
	Xã Tây Ninh Hòa	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Tài chính, Kế toán	
	Xã Vạn Thắng	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán	
	Xã Tu Bông	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	
	Xã Đại Lãnh	3	0	3	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán	
	Xã Diên Thọ	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán	
	Xã Khánh Vĩnh	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành, nhóm ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính.	
	Xã Tây Khánh Sơn	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên ngành, chuyên ngành: Kế toán, Tài chính, Kiểm toán, Ngân hàng	
TỔNG SỐ		**477**	**149**	**328**		